

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

**VÀI SUY NGHĨ VỀ QUAN HỆ
GIỮA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VÀ GIÁO HỘI**

NGUYỄN TẮT ĐẠT^(*)

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, với bản Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một Nhà nước Việt Nam mới ra đời, đánh dấu một thời kì độc lập tự do của nước nhà. Từ khi ra đời đến nay, Nhà nước Việt Nam có nhiều cố gắng để giữ gìn nền độc lập và đảm bảo các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, cho các tổ chức hội đoàn của nhân dân, trong đó có giáo hội các tôn giáo. Do hoàn cảnh chiến tranh cũng như những giai đoạn cách mạng, công tác tôn giáo của Nhà nước Việt Nam đã từng có một số hạn chế. Nhưng về cơ bản, Nhà nước Việt Nam luôn đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng cho nhân dân và tạo điều kiện để giáo hội các tôn giáo thực hiện vai trò trong sinh hoạt tôn giáo của mình. Tự do dân chủ cho nhân dân là một trong những giá trị quan trọng mà Nhà nước Việt Nam đã và đang hướng tới. Ở bài viết này, chúng tôi muốn nêu lên một vài suy nghĩ về mối quan hệ Nhà nước và Giáo hội thông qua một số văn bản pháp luật về tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

Hiến pháp 1946, văn bản chính trị pháp lí quan trọng nhất của Nhà nước Việt Nam khẳng định Nhà nước mới được thiết lập tiến bộ hơn hẳn những nhà nước

trước đây. Ngay ở 2 trong 3 nguyên tắc thể hiện tại lời nói đầu của Hiến pháp đã khẳng định:

- Đoàn kết không phân biệt nòi giống, gái trai, giai cấp, tôn giáo.
- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ.

Điều 1 của Hiến pháp năm 1946 ghi: "Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"⁽¹⁾. Có thể nói, nội dung trên thể hiện rõ ràng nhất thái độ của Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo. Công dân Việt Nam theo các tôn giáo là một bộ phận trong toàn thể nhân dân Việt Nam, là một trong những chủ thể của tất cả quyền bính trong nước. Điều 21 của Hiến pháp năm 1946 còn nhấn mạnh thêm: "Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mạng quốc gia"⁽²⁾.

Với quy định này, Nhà nước Việt Nam đã thể hiện tính tiến bộ ưu việt và lối ứng

*. ThS., Học viện Hành chính Quốc gia.

1. *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980 và 1992)*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr. 8.

2. *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980 và 1992)*. Sđd, tr. 10.

xử đúng đắn đối với tôn giáo, điều mà các nhà nước trước kia, do bản chất và đặc thù lịch sử, không thể có được. Các nhà nước Lý, Trần đề cao vai trò Phật giáo. Các nhà nước Lê, Nguyễn chú trọng Khổng giáo. Nhà nước Nguyễn, căn bản vì lí do lo ngại an ninh quốc gia, đã có lúc bài xích Công giáo thể hiện bằng việc thi hành chính sách cấm đạo gắt gao, không có sự phân biệt đâu là nhu cầu tôn giáo chính đáng của tín đồ - công dân. Các "Tây dương đạo trưởng" dù là linh mục hay người truyền giáo và tất nhiên cả các chức sắc người Việt đều bị tàn sát, tất cả tín đồ đều phải "quá khoa" bỏ đạo, nếu không sẽ bị trừng phạt⁽³⁾. Nhà nước Việt Nam Cộng hoà của Ngô Đình Diệm lại chú trọng và nâng đỡ đạo Công giáo. Như vậy, có thể thấy, các nhà nước trước đây, vì những lí do khác nhau, đã có sự phân biệt đối xử với các tôn giáo, và ít nhiều làm tổn thương đến khối đoàn kết dân tộc, ảnh hưởng đến sự phát triển của các tôn giáo. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thì quyền tự do, trong đó quyền tự do tín ngưỡng, là giá trị cao nhất, phổ quát cho nhân dân. Hồ Chủ tịch xác định bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc cũng có ý nghĩa bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng.

Nhân ngày lễ Giáng sinh năm đầu tiên Nhà nước được độc lập tự do, ngày 24/12/1946, mặc dù chiến tranh đã cận kề, Hồ Chủ tịch vẫn dành thời gian gửi thư cho đồng bào Công giáo. Trong thư có đoạn: "Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết một lòng, quyết lòng kháng chiến để giữ gìn non sông Tổ quốc, và cũng để giữ gìn tín ngưỡng tự do"⁽⁴⁾. Trong Chiến dịch Thu đông năm 1947,

việc quân khẩn trương cần kíp, Hồ Chủ tịch vẫn xác định công tác tôn giáo của Nhà nước là việc quan trọng. Ngày 13/8/1947, Hồ Chủ tịch gửi thư cho Hội Phật tử Việt Nam khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, khẳng định sự phát triển của Giáo hội Phật giáo trong Nhà nước Việt Nam: "Từ ngày nước ta trở nên dân chủ cộng hoà, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện. Thế là "Nước có độc lập, thì đạo Phật mới mở mang"⁽⁵⁾.

Có thể nói, bằng Hiến pháp và bằng hành động cụ thể của người đứng đầu chính thể, Nhà nước Việt Nam đã dần san lấp hố sâu ngăn cách tôn giáo mà Nhà nước phong kiến Nguyễn và Nhà nước bảo hộ thực dân Pháp đã để lại. Dưới thời Pháp thuộc, dù vẫn tự hào là quốc gia thế tục, thi hành một thứ thực dân theo lối đời, nhưng thực dân Pháp rõ ràng vẫn dung dưỡng và dựa vào Giáo hội Công giáo.

Trong kháng chiến chống Pháp, trong 8 điều mệnh lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí ban hành ngày 9/9/1952, nhằm đưa cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi, thì có một mệnh lệnh đề cập đến tôn giáo, Mệnh lệnh thứ 4: "Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương"⁽⁶⁾.

Ngày 14/6/1955, Hồ Chủ tịch kí Sắc lệnh 234 quy định những vấn đề về tín ngưỡng tôn giáo, về quan hệ của giáo hội

3. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Nhà nước ta với Công giáo*. Trong: *Nhà nước và Giáo hội*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2003, tr. 98.

4. Trích theo: Trần Viết Hàm, Lê Kim Dung. *105 lời nói của Bác Hồ*. Nxb Văn hoá Thông tin. Hà Nội 1997, tr. 56.

5. Trích theo: Trần Viết Hàm, Lê Kim Dung. Sđd, tr. 59.

6. Trích theo: Trần Thọ Chính, Đức Tài, Quỳnh Mai. *Hồ Chí Minh những sự kiện*. Nxb Thông tin Lí luận. Hà Nội 1990, tr. 150.

đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Văn bản quy phạm pháp luật này đã cụ thể hoá những quyền đã ghi trong Hiến pháp 1946 và là văn bản có giá trị nền tảng cho quan hệ Nhà nước Việt Nam với giáo hội trong nhiều năm sau này.

Theo Sắc lệnh 234, các tổ chức tôn giáo có được nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện hành đạo. Tại Điều 5 của Sắc lệnh ghi: “Các tôn giáo được mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo của mình”⁽⁷⁾. Điều 9 của Sắc lệnh 234 còn quy định: “Các tôn giáo được phép mở trường tư thực. Các trường tư thực đó phải dạy chương trình giáo dục của Chính phủ. Ngoài giờ dạy theo chương trình giáo dục của Chính phủ, có thể dạy thêm giáo lí cho những học sinh nào muốn học”⁽⁸⁾. Quy định này là sự cụ thể hoá Điều 15 của Hiến pháp năm 1946 về chính sách xã hội hoá giáo dục. Không những thế, quy định này cũng ghi nhận quyền tự do rộng rãi của các tổ chức tôn giáo và vai trò của các tổ chức tôn giáo đối với sự nghiệp giáo dục văn hoá, điều mà các tổ chức tôn giáo trong lịch sử đã tiến hành khá tốt.

“Chùa thời Đinh, tiền Lê, Lý là trường học không chỉ dạy giáo lí mà còn dạy chữ, dạy đối nhân xử thế... đào luyện người tài. Những trí thức lớn thời Đinh, tiền Lê, Lý và đầu thời Trần đều được đào luyện ở chùa...”

Trước hết, chùa là nơi đào tạo ra những thiên sư mà trong số họ có nhiều thiên sư giỏi, tham gia chính trị. Mặc dù thời Lý, Nhà nước quan tâm đến Nho giáo, xây dựng Văn miếu Quốc Tử giám, nhưng đội ngũ trí thức Phật giáo lúc đó vẫn giữ vai trò chủ đạo”⁽⁹⁾.

Đặc biệt, Sắc lệnh 234 còn dành 1 chương để xác định quan hệ giữa chính

quyền nhân dân và các tôn giáo. Điều 13 quy định: “Chính quyền không can thiệp vào nội bộ tôn giáo”⁽¹⁰⁾. Điều 15 của Sắc lệnh 234 còn quy định chi tiết hơn: “Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân”⁽¹¹⁾. Những điều quy định này cũng phù hợp với luật pháp tôn giáo của nhiều nước trên thế giới. Theo Đỗ Lộc Diệp, ở Hoa Kỳ: “Vị thế hợp hiến của các giáo hội được xác lập, Nhà nước không can thiệp vào công việc nội bộ của giáo hội, quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, gia nhập hay từ bỏ tín ngưỡng, việc hành đạo... được bảo đảm”⁽¹²⁾.

Rõ ràng, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không những đảm bảo quyền tự do tôn giáo mà còn tạo điều kiện để các tôn giáo thực hiện được những sinh hoạt tôn giáo của mình. Đối với giáo hội các tôn giáo, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà luôn có quan hệ tốt. Chỉ thị số 88/TTg, ngày 26/4/1977 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ các chùa thờ Phật và đối với tăng ni, bên cạnh việc ghi nhận những đóng góp của Giáo hội Phật giáo còn chỉ thị cho các cấp, các ngành không can thiệp vào các hoạt động nội bộ của

7. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Vấn. *Sắc lệnh 234/SL ngày 14/6/1955*. Trong: *Pháp luật về quyền hội hợp, lập hội và tự do tín ngưỡng của công dân*. Nhà in Trần Phú TP. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 46.

8. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Vấn. *Sđd*, tr. 47.

9. Trích theo: Nguyễn Hồng Dương. *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hoá và phát triển ở Việt Nam*. Nxb KHXH. Hà Nội 2004, tr.50.

10. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Vấn. *Sđd*, tr. 48.

11. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Vấn. *Sđd*, tr. 48.

12. Đỗ Lộc Diệp. *Quan hệ giữa nhà nước và các tôn giáo ở Mỹ*. Trong: *Nhà nước và Giáo hội*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2003, tr. 357.

tôn giáo này: “Từ trước đến nay, nói chung các tầng ni đều chấp hành đúng các chính sách và pháp luật của Nhà nước, tổ chức của những người tu hành đạo Phật ở nước ta là một tổ chức tôn giáo có tinh thần yêu nước, tích cực tham gia sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và ủng hộ công cuộc xây dựng CNXH. Nhiều chùa lại là những di tích lịch sử, di tích nghệ thuật quý báu, cần được bảo vệ giữ gìn chu đáo... Các ban bảo vệ di tích, chỉ nên giúp đỡ tầng ni trong việc giữ gìn tu tạo, sửa di tích, không can thiệp vào các hoạt động tôn giáo”⁽¹³⁾.

Cùng với việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo cho nhân dân, Nhà nước Việt Nam cũng thấy rõ vấn đề tôn giáo rất nhạy cảm, dễ bị các thế lực thù địch và phản động lợi dụng, quần chúng dễ bị lôi kéo vào những hoạt động mê tín dị đoan gây mất an ninh trật tự. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng quy định rõ: “Pháp luật sẽ trừng trị kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hoà bình, thống nhất độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của những người khác hoặc làm những việc trái pháp luật”⁽¹⁴⁾. (Điều 7, Sắc lệnh 234). Hồ Chủ tịch cũng từng nhấn mạnh: “Bảo vệ tự do tín ngưỡng, nhưng kiên quyết trừng trị những kẻ đội lốt tôn giáo để phản Chúa phản nước”⁽¹⁵⁾. Việc quy định như vậy là cần thiết ở bất kì quốc gia nào và cũng phù hợp với *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, có hiệu lực 23/3/1976. Điểm 3, Điều 18 của Công ước này ghi rõ: “Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng có thể bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn

này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khoẻ, đạo đức của công chúng hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác”⁽¹⁶⁾.

Từ khi đất nước ta bước vào thời kì đổi mới, đời sống của nhân dân đã được nâng lên rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Nếu như trong chiến tranh và trong thời kì bao cấp, do sức ép của chiến tranh và yếu kém về kinh tế, những nhu cầu của nhân dân bị hạn chế, bị dồn nén thì nay những nhu cầu đó được đáp ứng thoả mãn. Đối với vấn đề tôn giáo, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: tín ngưỡng tôn giáo còn tồn tại lâu dài, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. “Đó là một nhận định mang tính khoa học và tính cách mạng rất sâu sắc, nó phản ánh đúng tính tất yếu khách quan trong sự tồn tại của tôn giáo... Nhu cầu tinh thần đó là lợi ích thiết thân của bộ phận quần chúng có đạo mà Đảng và Nhà nước phải chủ động quan tâm chăm lo, bảo đảm”⁽¹⁷⁾.

Nhờ có tư duy đổi mới của Đảng về tôn giáo, Nhà nước ta đã khắc phục được một số những hạn chế trong công tác tôn giáo, nhất là trong công tác quản lí Nhà nước

13. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Ván. *Chỉ thị 88 - TTg ngày 26/4/1973*. Trong: *Pháp luật về quyền hội họp, lập hội và tự do tín ngưỡng của công dân*. Nhà in Trần Phú, TP. Hồ Chí Minh 1992, tr. 85.

14. Trích theo: Vũ Quốc Sinh, Nguyễn Ngọc Ván. *Sđd*, tr. 46.

15. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 5. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1995, tr. 44.

16. Trích theo: Hoàng Văn Hảo, Chu Hồng Thanh. *Các văn kiện quốc tế và quốc gia về quyền con người*. Tập 2. Xí nghiệp in Trẻ. Hà Nội 1995, tr. 60.

17. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. *Tập bài giảng lý luận về tôn giáo*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội 2004, tr.183.

về tôn giáo ở cấp cơ sở. Chúng ta đã có những nhận thức mới trong quan niệm và biện pháp quản lý tôn giáo: “Xem công tác vận động đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo thuộc phạm trù công tác vận động quần chúng sẽ giúp chúng ta khắc phục một quan niệm không thật chuẩn xác ở một số người, quy công tác vận động tín đồ các tôn giáo vào công tác an ninh xã hội”⁽¹⁸⁾.

Nhà nước Việt Nam cũng đã và đang hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Đó là mô hình nhà nước tiến bộ, quản lý xã hội có hiệu quả, các giá trị dân chủ, tự do, quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng được pháp luật bảo vệ. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về tôn giáo như *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (có hiệu lực từ ngày 15/11/2004); *Nghị định 22/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/3/2005*, hướng dẫn thi hành một số điều của *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Gần đây nhất, ngày 04/2/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 01/CT-TTg, về một số công tác đối với đạo Tin Lành.

Những văn bản quy phạm pháp luật này đã đánh dấu những dấu mốc quan trọng về mối quan hệ của Nhà nước với các tổ chức tôn giáo. Cùng với các chính sách khác của Nhà nước, các văn bản quy phạm pháp luật về tôn giáo đã đạt được những bước tiến bộ quan trọng. Một mặt, Nhà nước đảm bảo được quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thoả mãn nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, làm cho mối quan hệ của Nhà nước với các tổ chức tôn giáo được hài hoà hơn. Mặt khác, Nhà nước giữ vững được ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Mối quan hệ hài hoà giữa Nhà nước Việt Nam và các tổ chức

tôn giáo là một trong những bằng chứng thuyết phục đối với các nước và các tổ chức quốc tế về chính sách tự do tôn giáo của Việt Nam. Sự kiện Hồng y Crescenzo Sepe, Bộ trưởng Bộ Truyền giáo Nhà nước Vatican sang thăm Việt Nam từ ngày 28/11/2005 đến ngày 05/12/2005 và dự lễ truyền chức linh mục cho 57 chủng sinh Việt Nam tại Nhà thờ lớn Hà Nội là một minh chứng cụ thể cho chính sách tự do tôn giáo của Nhà nước Việt Nam.

Với bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân, Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qua 60 năm xây dựng và trưởng thành đã đạt được những thành tựu quan trọng, trong đó đáng kể là giữ vững được độc lập, chủ quyền của quốc gia, tăng trưởng vững chắc về kinh tế, đảm bảo các quyền tự do dân chủ của nhân dân, nhà nước có quan hệ hài hoà với các tổ chức tôn giáo.

Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam ngày nay đã lấy phương châm đồng hành cùng dân tộc, cụ thể bằng những đường hướng hành đạo như: “Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc”, “Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”, v.v... Giữ gìn độc lập, bảo vệ chủ quyền quốc gia, đảm bảo các giá trị tự do dân chủ cho nhân dân, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân là sức mạnh của Nhà nước ta trong quá trình phát triển đất nước. Đây có lẽ là một trong những giá trị bất biến để chúng ta ứng vận biến trong thế giới đầy biến động ở thế kỉ XXI./.

18. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. *Tập bài giảng lý luận về tôn giáo*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội 2004, tr.188.